| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY NAM**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **100**/2024/DS-ST
Ngày: 25-7-2024
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Chí Nhân;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Châu Phương;
2. Ông Nguyễn Anh Tài.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2023/QĐST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1980;
Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1969;
Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Văn Bữu trình bày:

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, ông Huỳnh Văn T vay của ông Phạm Văn B 400.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 03 năm. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Thắm vào ngày 05/5/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T thế chấp cho ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 12, diện tích 5.213,2m$^2$, toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ ngày vay tiền, ông T trả tiền lãi cho ông B đến ngày 06/11/2023 thì không trả lãi nữa và cũng không trả nợ gốc.

Ngày 06/11/2023, ông T vay tiếp của ông B 50.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc THắm vào ngày 06/11/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T thế chấp cho ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12, diện tích 453,7m$^2$, toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Thơ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ khi vay khoản tiền này đến nay thì ông T không có trả tiền lãi và tiền nợ gốc cho ông B.

Nay ông B yêu cầu ông T trả 450.000.000 nợ gốc, tính lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 06/11/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, ông B không đồng ý đề nghị trả dần của ông Thơ. Ông B đồng ý trả lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngay sau khi ông T trả nợ xong.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Huỳnh Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận có vay ông Bữu số tiền 450.000.000 đồng như nội dung ông B đã khai. Ông T cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông B nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông Thơ xin ông B trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, vụ việc được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Bị đơn Huỳnh Văn T hiện đang đăng ký thường trú và cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự khai thống nhất nhau về số tiền vay, thời gian vay, thời hạn vay và mức lãi suất vay và đều thừa nhận việc hai bên giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện.

Bị đơn Huỳnh Văn T cũng đồng ý trả cho ông B số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng, tính lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 06/11/2023 cho đến ngày Toà án

xét xử sơ thẩm với số tiền lãi phát sinh là 57.838.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc bị đơn Huỳnh Văn T xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị xin trả dần của phía bị đơn.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.313.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 147, 235 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 24 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn Bữu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Huỳnh Văn T trả cho anh Phạm Văn B, số tiền nợ gốc là 450.000.000(bốn trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/11/2023 đến ngày 25/7/2024 theo mức lãi suất 1,5%/tháng là 57.838.000(năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Huỳnh Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.313.500(hai mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn B số tiền 12.262.500 (mười hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005484, ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3.Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự đều có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

4.Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, V. phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*đã ký*

**Lê Chí Nhân**